

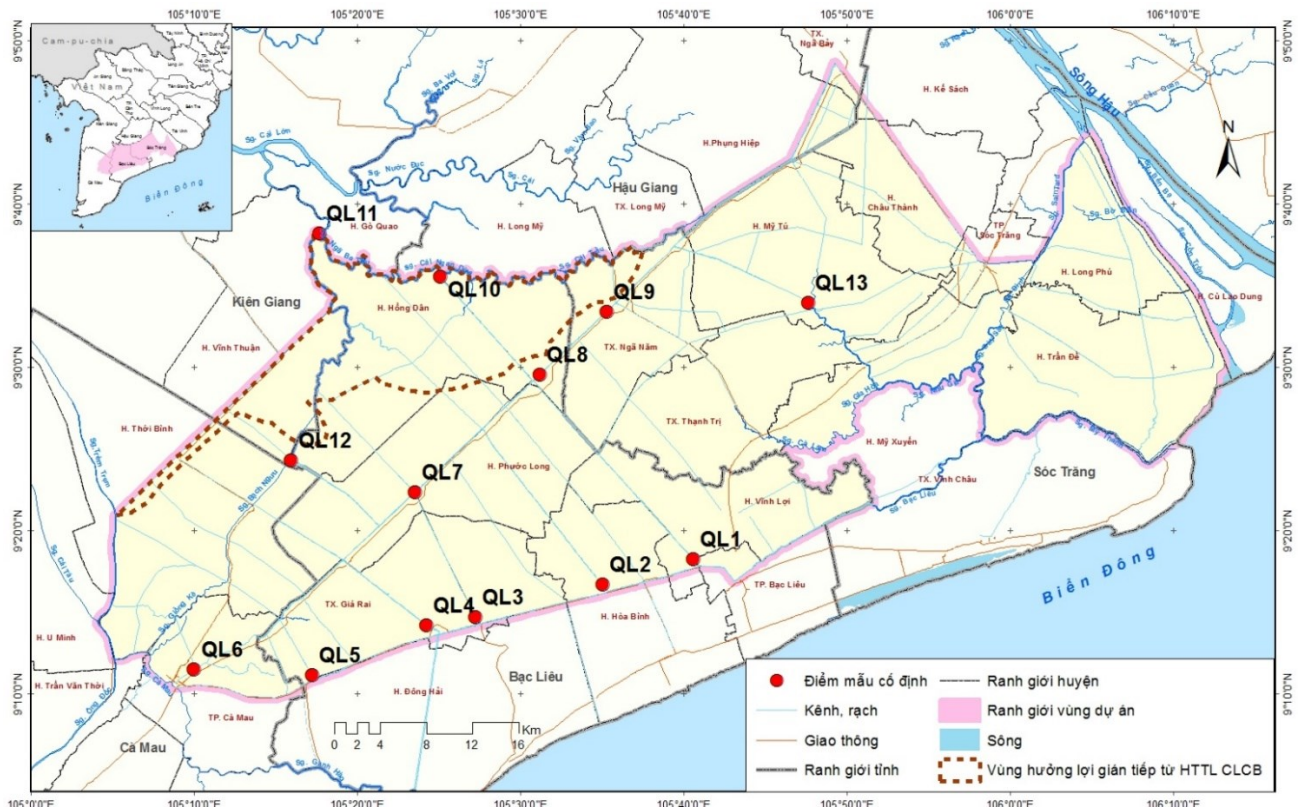
BẢN TIN TUẦN KỲ 19

“Đợt đo ngày 06/7/2024, dự báo từ 13/7/2024 đến 19/7/2024”

1. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 06/7/2024

1.1. Vị trí lấy mẫu

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước được chọn để bảo đảm không chệch đều chất lượng nước trong khu vực giám sát, kiểm soát được các tác động bên ngoài, đánh giá được các nguồn thải, phục vụ cho mô hình dự báo chất lượng nước. Nhiệm vụ quan trắc 13 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



1.2. Kết quả đo đạc chất lượng nước tại 13 vị trí lấy mẫu

TT	Vị trí thu mẫu (Kí hiệu)	pH	Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	PO ₄ ³⁻	NH ₄ ⁺	NO ₂ ⁻	NO ₃ ⁻	Fe ^{TS}	Coliform	WQI	Khuyến cáo
			%	mg/l	mgO ₂ /l			mg/l					MPN/ 100ml		
	QCVN 08- MT:2015/BTNMT Cột B1 (*)	5,5- 9		50	≥4	15	30	0,3	0,9	0,05	10	1,5	7.500		
	QCVN08- MT:2023/BTNMT (Bảng 2, mức B) (*)	6- 8,5		≤100	≥5	≤6	≤15						≤5.000		
1	Trong cống Cầu Sập trên kênh Quản Lộ – Bạc Liêu (QL1)	7,96	0,4	76,3	3,88	17,50	35,2	0,04	1,48	0,05	0,10	3,38	28.000	31	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây kém, không đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt, không sử dụng nước tưới cho rau màu vì Coliform cao vượt ngưỡng và xử lý sắt trước khi đưa vào ruộng lúa.
2	Trong cống Vĩnh Mỹ trên kênh Phước	8,54	0,5	59,16	5,46	15,24	26,4	0,02	0,98	0,06	0,12	1,47	6.800	57	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây

	Long – Vĩnh Mỹ (QL2)																trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, không sử dụng nước tưới cho rau màu vì Coliform rất cao vượt ngưỡng.
3	Trong công Phó Sinh trên kênh Quản Lộ - Giá Rai (QL3)	7,68	14,2	10,78	5,94	18,24	30,4	0,04	1,11	0,04	0,14	0,33	9.500	54	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, cần xử lý ô nhiễm hữu cơ, dinh dưỡng và Coliform trước khi đưa nước vào ao nuôi.		
4	Trong công Chủ Chí trên kênh Hộ Phòng (QL4)	7,6	16,8	8,4	5,39	13,24	23,7	0,04	0,45	0,05	0,20	0,44	7200	70	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Cụ thể, cần xử lý ô		

																		nhiễm hữu cơ và Coliform trước khi đưa nước vào ao nuôi.
5	Trong cống Láng Trâm trên kênh xáng Láng Trâm (QL5)	7,79	13,1	19,88	5,67	20,12	36,4	0,10	1,08	0,09	0,12	0,61	9500	46	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây kém, không đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Cần lưu ý xử lý nước ô nhiễm hữu cơ, dinh dưỡng và Coliform trước khi đưa vào ao nuôi.			
6	Trong cống Cà Mau tại cuối kênh Quản Lộ Phụng Hiệp (QL6)	7,56	9,3	42,1	5,85	26,45	46,2	0,67	1,33	0,09	0,10	1,00	21000	27	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây kém, không đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Cần lưu ý xử lý nước trước khi đưa vào ao nuôi do chỉ số hữu cơ, dinh dưỡng và Coliform cao vượt ngưỡng.			

7	Điểm giao giữa Quản Lộ-Phụng Hiệp với kênh Cảnh Đền-Phó Sinh và kênh Quản Lộ-Giá Rai (QL7)	7,4	13,5	9,58	5,89	13,52	26,5	0,08	0,55	0,04	0,06	1,20	8200	65	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Cần lưu ý xử lý nước ô nhiễm hữu cơ và Coliform trước khi đưa vào ao nuôi.
8	Trong âu thuyền Ninh Quới trên kênh Quản Lộ Phụng Hiệp (QL8)	7,22	1,7	16,75	5,27	20,11	36,2	0,06	1,53	0,73	0,31	1,17	9500	46	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây kém, không đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, cần lưu ý xử lý nước ô nhiễm hữu cơ, dinh dưỡng và Coliform trước khi đưa vào ao nuôi.
9	Điểm lấy mẫu ở vị trí Cống Đá trên kênh Quản Lộ-Phụng Hiệp (QL9)	7,56	0,5	98,4	3,86	15,50	30,4	0,06	1,25	0,03	0,12	1,72	11000	36	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây kém, không đảm bảo cho việc lấy

																	nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Cần lưu ý xử lý nước ô nhiễm hữu cơ, dinh dưỡng, Fe và Coliform trước khi đưa vào ao nuôi.
10	Điểm giao trên kênh xáng Ngan Dừa với rạch Xẻo Chít (QL10)	7,03	4,9	6,15	4,38	15,70	26,9	0,06	0,46	0,08	0,08	0,64	7900	57	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, cần lưu ý xử lý nước ô nhiễm hữu cơ, dinh dưỡng và Coliform trước khi đưa vào ao nuôi.		
11	Điểm lấy mẫu ở vị trí Ngã Ba Đình trên sông Cái Lớn (QL11)	7,28	10,4	5,08	3,59	15,20	30,4	0,06	0,65	0,07	0,01	0,93	6800	58	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, cần chú ý xử lý nước trước		

Khuyến cáo chung:	<p>- Nhìn chung, độ mặn trong tiểu vùng ngọt hóa và chuyển đổi được kiểm soát tương đối tốt. Trong tiểu vùng ngọt hóa, độ mặn tại tất cả các vị trí đều nhỏ hơn 2‰ đảm bảo cho việc lấy nước cho trồng trọt. Độ mặn trong tiểu vùng chuyển đổi nằm trong ngưỡng thích hợp nuôi tôm dao động từ 5‰ – 22,5‰. Riêng khu vực Bắc Hồng Dân (QL10) độ mặn giảm nhẹ dưới 5‰, cần chú ý khi lấy nước cho nuôi trồng thủy sản.</p> <p>- Ô nhiễm hữu cơ cao xuất hiện ở hầu hết tại các vị trí lấy mẫu nên không phù hợp lấy nước sản xuất nông nghiệp, ngoại trừ tại các vị trí cống Hộ Phòng, ngã tư Phó Sinh và cống Mỹ Phước. Bên cạnh đó, ô nhiễm dinh dưỡng cao xuất hiện hầu hết trong tiểu vùng ngọt hóa, và tại các cống Giá Rai, Láng Trâm, Cà Mau và kênh Phong Thạnh Tây, cần có những biện pháp xử lý ô nhiễm dinh dưỡng tại các vùng này trước khi đưa vào ao nuôi. Ngoài ra, ô nhiễm Coliform khá cao xuất hiện tại hầu hết các vị trí trong vùng QLPH không dùng tưới cho hoa màu và nuôi trồng thủy sản, ngoại trừ cống Vĩnh Mỹ, cống Hộ Phòng, kênh Vĩnh Thạnh Tây và cống Mỹ Phước.</p>
--------------------------	--

Ghi chú: () Theo QCVN 08-MT:2023/BTNMT được quy định tại mục 2.3 – Nguyên tắc đánh giá, phân loại CLN theo Bảng 2 thì giá trị trung bình số học của tối thiểu 10 lần quan trắc/năm. Với điều kiện này thì chưa đủ để đánh giá phân loại, do đó trong bản tin này sẽ sử dụng QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1 để so sánh và có đối chiếu với QCVN 08:2023/BTNMT để làm cơ sở nhận định đưa ra những khuyến cáo về chất lượng nước.*

Ghi chú: Thang đo giá trị WQI và mức đánh giá chất lượng nước tương ứng

Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước (phù hợp sử dụng)
91 - 100	Rất tốt, cấp nước cho sinh hoạt
76 - 90	Tốt, cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp
51 - 75	Trung bình, cấp tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
26 - 50	Kém, giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
10 - 25	Ô nhiễm nặng, nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai
< 10	Ô nhiễm rất nặng

2. Dự báo chất lượng nước ngày 13/7÷19/7/2024

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD₅, NH₄⁺ từ ngày 13/7/2024 đến 19/7/2024 được thể hiện qua các Bảng 2 đến Bảng 5 như sau:

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ 13/7÷19/7/2024 dao động trong khoảng 0,3÷18,3‰. Tại tiểu vùng ngọt hóa, độ mặn dự báo dao động từ 0,3÷1,8‰ nên đảm bảo nguồn nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp. Tại tiểu vùng chuyển đổi, độ mặn đáp ứng được nhu cầu cấp nước mặn cho việc nuôi trồng thủy sản (>5‰) tại hầu hết các vị trí, ngoại trừ nguồn nước tại khu vực đầu kênh Ngan Dừa (QL10).

Bảng 2: Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 13/7÷19/7/2024

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							‰	
		13/07	14/07	15/07	16/07	17/07	18/07	19/07	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	0,4	0,4	0,4	0,4	0,4	0,4	0,4	0,4	0,4
QL2		0,7	0,7	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6	0,7
QL8		1,6	1,5	1,4	1,3	1,1	1,8	1,7	1,1	1,8
QL9		0,4	0,4	0,4	0,4	0,5	0,5	0,5	0,4	0,5
QL13		0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3
QL3	Chuyển đổi	11,5	13,2	15,4	16,8	16,4	15,6	14,7	11,5	16,8
QL4		18,1	18,1	17,8	17,3	16,5	15,6	15,6	15,6	18,1
QL5		12,0	12,4	12,5	12,6	12,7	12,7	12,2	12,0	12,7
QL6		7,7	7,9	7,9	8,1	8,8	9,7	10,8	7,7	10,8
QL7		9,4	9,5	9,4	8,8	9,7	9,7	9,7	8,8	9,7
QL10		4,5	4,2	3,8	3,4	3,1	3,0	3,7	3,0	4,5
QL11		8,8	8,6	8,4	8,2	8,0	8,7	8,6	8,0	8,8
QL12		16,1	17,0	17,6	18,0	18,2	18,3	18,3	16,1	18,3
Ranh mặn		<1 ‰	1‰-4‰		>4‰					

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Bảng 3: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 13/7÷19/7/2024

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		13/07	14/07	15/07	16/07	17/07	18/07	19/07	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	5,46	5,51	5,53	5,53	5,51	5,47	5,41	5,41	5,53
QL2		5,45	5,46	5,45	5,45	5,44	5,42	5,41	5,41	5,46
QL8		6,27	6,22	6,15	6,09	6,01	5,93	5,88	5,88	6,27
QL9		3,92	3,91	3,96	4,03	4,10	4,15	4,16	3,91	4,16
QL13		5,67	5,64	5,59	5,53	5,42	5,43	5,58	5,42	5,67
QL3	Chuyển đổi	5,95	5,98	5,98	5,83	5,74	5,68	5,80	5,68	5,98
QL4		5,38	5,38	5,39	5,39	5,39	5,39	5,39	5,38	5,39
QL5		5,35	5,35	5,35	5,35	5,35	5,35	5,35	5,35	5,35
QL6		6,37	6,43	6,49	6,54	6,50	6,42	6,38	6,37	6,54
QL7		5,74	5,74	5,73	5,73	5,73	5,73	5,74	5,73	5,74
QL10		4,53	4,57	4,63	4,67	4,68	4,67	4,65	4,53	4,68

QL11		4,47	4,70	4,87	4,90	4,78	4,58	4,43	4,43	4,90
QL12		5,33	5,32	5,30	5,27	5,24	5,21	5,18	5,18	5,33
QCVN 08:2015 (Cột A1)		>= 6								
QCVN 08:2015 (Cột B1)		>= 4								
Vượt cột B1		< 4								

Hàm lượng DO dự báo dao động trong tuần từ 3,91÷6,54 mg/l. Trong tiểu vùng chuyển đổi, hàm lượng oxy hòa tan tại hầu hết các vị trí đều trong ngưỡng cột B1 theo QCVN08 MT:2015/BTNMT, đảm bảo cấp nước cho nuôi trồng thủy sản, ngoại trừ cống Cà Mau đạt ngưỡng cột A1.

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ dự báo trong tuần dao động từ 8,99÷22,21 mg/l. Trong đợt này, nguồn nước trong vùng dự báo sẽ bị ô nhiễm hữu cơ cao. Trong tiểu vùng chuyển đổi, nguồn nước ở cống Láng Trâm, cống Cà Mau có hàm lượng BOD₅ dự báo trong tuần thường xuyên cao vượt ngưỡng cột B1 theo QCVN08 MT:2015/BTNMT từ 1÷1,5 lần, cần chú ý xử lý nguồn nước trước khi đưa vào ao nuôi. Riêng tại cống Hộ Phòng và kênh Phong Thạnh Tây có hai ngày dự báo hàm lượng BOD₅ vượt ngưỡng cột B1 từ 1÷1,1 lần.

Bảng 4: Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 13/7÷19/7/2024

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		13/07	14/07	15/07	16/07	17/07	18/07	19/07	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	18,28	15,74	13,80	14,11	14,17	14,02	13,81	13,80	18,28
QL2		16,42	15,13	14,06	13,56	13,56	14,41	16,01	13,56	16,42
QL8		17,64	18,92	15,26	16,78	17,39	17,19	16,50	15,26	18,92
QL9		15,46	15,33	15,14	15,03	15,49	16,46	17,28	15,03	17,28
QL13		10,09	10,02	9,86	9,63	9,35	9,04	8,99	8,99	10,09
QL3	Chuyển đổi	13,43	13,41	13,52	13,64	13,76	13,86	13,98	13,41	13,98
QL4		14,78	16,43	15,03	12,06	12,25	12,45	12,58	12,06	16,43
QL5		18,66	19,14	17,82	16,30	15,31	14,67	14,19	14,19	19,14
QL6		21,84	21,47	20,93	20,03	21,35	21,78	22,21	20,03	22,21
QL7		13,98	13,99	14,38	14,67	14,65	14,88	15,08	13,98	15,08
QL10		13,59	13,30	13,06	12,96	12,73	12,49	12,36	12,36	13,59
QL11		13,25	13,47	13,29	13,30	13,47	13,40	13,07	13,07	13,47
QL12		15,55	15,00	14,53	14,26	14,19	14,29	14,62	14,19	15,55
QCVN 08:2015 Cột A1		4								
QCVN 08:2015 Cột B1		15								
Vượt cột B1		>15								

2.4. Amoni (NH₄⁺)

Giá trị NH₄⁺ dự báo trong tuần dao động từ 0,37÷1,98 mg/l. Trong tiểu vùng ngọt hóa, hàm lượng amoni vượt cột B1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT tại hầu hết các vị trí, tuy nhiên vẫn có thể dùng nước cho tưới tiêu trồng trọt. Đối với chuyển đổi, hầu hết các vị trí có hàm lượng amoni vượt ngưỡng cột B1 theo

QCVN08-MT:2015/BTNMT gấp từ 1÷2,2 lần, không đảm bảo nhu cầu cấp nước cho nuôi trồng thủy sản. Riêng tại cống Hộ Phòng, ngã tư Phó Sinh và ngã Ba Đình dự báo ô nhiễm dinh dưỡng ít hơn, chỉ vượt ngưỡng cột B1 vào 2 ngày trong tuần hoặc nằm trong ngưỡng cột B1.

Bảng 5: Giá trị dự báo NH_4^+ tại các điểm giám sát từ 13/7÷19/7/2024

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		13/07	14/07	15/07	16/07	17/07	18/07	19/07	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	1,26	1,21	1,20	1,20	1,21	1,23	1,28	1,20	1,28
QL2		1,36	1,26	1,38	1,63	1,78	1,77	1,67	1,26	1,78
QL8		0,80	0,87	0,94	1,00	1,00	0,87	0,66	0,66	1,00
QL9		1,18	1,30	1,30	1,27	1,38	1,41	1,41	1,18	1,41
QL13		0,47	0,41	0,37	0,45	0,47	0,45	0,42	0,37	0,47
QL3	Chuyển đổi	1,12	1,11	1,09	1,07	1,04	1,03	1,05	1,03	1,12
QL4		0,80	0,76	0,72	0,67	0,64	0,63	0,66	0,63	0,80
QL5		0,92	0,93	0,94	0,96	0,84	0,86	0,84	0,84	0,96
QL6		1,91	1,98	1,93	1,72	1,54	1,39	1,23	1,23	1,98
QL7		0,67	0,66	0,74	0,85	0,95	0,91	0,79	0,66	0,95
QL10		0,95	0,95	0,94	0,93	0,94	0,94	0,92	0,92	0,95
QL11		1,21	1,06	0,84	0,73	0,72	0,72	0,73	0,72	1,21
QL12		0,97	1,05	1,03	0,96	0,89	0,84	0,81	0,81	1,05
QCVN 08:2015 Cột A1		0,3								
QCVN 08:2015 Cột B1		0,9								
Vượt cột B1		> 0,9								

Khuyến cáo: Trong thời gian dự báo, độ mặn tại các tiểu vùng đảm bảo cho sản xuất nông nghiệp. Riêng tại, đầu kênh Ngan Dừa giao với rạch xẻo chít (QL10), độ mặn dự báo nhỏ hơn 5‰, cần chú ý khi đưa nước vào ao nuôi tôm. Hàm lượng oxy hòa tan (DO) tại tất cả các vị trí trong tiểu vùng chuyển đổi nằm trong ngưỡng cột B1, đáp ứng cho nuôi trồng thủy sản. Hàm lượng BOD₅ dự báo tại cống Láng Trâm, cống Cà Mau cao vượt ngưỡng cột B1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT, cần xử lý nguồn nước trước khi đưa vào ao nuôi. Hàm lượng amoni dự báo trong tiểu vùng chuyển đổi không đảm bảo cho nuôi trồng thủy sản tại hầu hết tất cả các vị trí, ngoại trừ cống Hộ Phòng ngã tư Phó Sinh và ngã Ba Đình.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&PTNT, CTTL, Công ty khai thác công trình thủy lợi các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biên (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB

VIỆN KỸ THUẬT BIÊN

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KỸ THUẬT BIÊN

VIỆN KỸ THUẬT BIÊN

VIỆN KỸ THUẬT BIÊN

VIỆN KỸ THUẬT BIÊN

VIỆN KỸ THUẬT BIÊN

VIỆN KỸ THUẬT BIÊN

VIỆN KỸ THUẬT BIÊN

VIỆN KỸ THUẬT BIÊN

Phạm Văn Tùng